

Chuẩn đầu ra (Program outcomes)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	KIẾN THỨC NỀN TẢNG TRONG NGÀNH LUẬT	
1.1.	Phân tích và ứng dụng kiến thức chính trị, khoa học cơ bản, khoa học xã hội và khoa học pháp lý để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo	3
1.2.	Áp dụng các kiến thức nền tảng của khoa học pháp lý chuyên ngành về luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh doanh, luật quốc tế... trong việc nhận biết và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc	4
1.3.	Áp dụng các kiến thức tổng hợp của các môn học để thực hiện việc tư vấn các vấn đề pháp lý, xây dựng văn bản pháp lý hay thực hiện các hoạt động có liên quan trong công việc	4
2.	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ THÁI ĐỘ NGHỀ NGHIỆP	
2.1.	Kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề pháp lý	4
2.2.	Kỹ năng lập luận và phản biện	4
2.3.	Kỹ năng tra cứu thông tin, nghiên cứu tài liệu, soạn thảo văn bản và viết báo cáo phân tích	4
2.4.	Có thái độ trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng	4
2.5.	Hình thành ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp	3
3.	KỸ NĂNG TƯƠNG TÁC	
3.1.	Khả năng lãnh đạo và làm việc nhóm hiệu quả	3
3.2.	Kỹ năng tư vấn, thương lượng, đàm phán với đối tượng có liên quan	3
3.3.	Khả năng giao tiếp bằng Tiếng Anh, khả năng làm việc với các tài liệu chuyên ngành bằng Tiếng Anh.	3
4.	PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT, QUY CHẾ TẠI NƠI LÀM VIỆC	
4.1.	Đánh giá được những thay đổi, biến động của bối cảnh kinh tế, xã hội, chính trị, môi trường pháp lý trong và ngoài nước tác động đến hoạt động nghề nghi	4
4.2.	Nhận diện và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau	4
4.3.	Hình thành, phân tích và đánh giá các dự thảo Luật và các chính sách của đơn vị, cơ quan nơi làm việc	5

4.4.	Xây dựng được các giải pháp pháp lý góp phần đẩy mạnh hiệu quả công việc tại nơi làm việc	5
4.5.	Triển khai và tổ chức thực hiện các nội dung pháp lý gắn liền với vị trí việc làm	5
4.6.	Đề xuất, kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật của Nhà nước	5
4.7.	Có khả năng khởi nghiệp trong lĩnh vực liên quan đến pháp lý	4

*** Thang trình độ năng lực**

Trình độ năng lực		Mô tả ngắn
$0.0 \leq TĐNL \leq 1.0$	Cơ bản	Nhớ: Sinh viên ghi nhớ/ nhận ra/ nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định,...
$1.0 < TĐNL \leq 2.0$	Đạt yêu cầu	Hiểu: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận, ...
$2.0 < TĐNL \leq 3.0$		Áp dụng: Sinh viên thực hiện/ áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm như mô hình, vật thật, sản phẩm mô phỏng, bài báo cáo,...
$3.0 < TĐNL \leq 4.0$	Thành thạo	Phân tích: Sinh viên phân tích tài liệu/ kiến thức thành các chi tiết/ bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,...
$4.0 < TĐNL \leq 5.0$		Đánh giá: SV đưa ra được nhận định, dự báo về kiến thức/ thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được xác định bằng các hành động như nhận xét, phân biệt, đề xuất,...
$5.0 < TĐNL \leq 6.0$	Xuất sắc	Sáng tạo: SV kiến tạo/ sắp xếp/ tổ chức/ thiết kế/ khái quát hóa các chi tiết/ bộ phận theo cách khác/ mới để tạo ra cấu trúc/ mô hình/ sản phẩm mới.